

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/02/2024
V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Trần Nguyên Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Tài;
2. Bà Võ Thị Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Ngọc Yến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Trần Vũ T, sinh năm 1988. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* anh Trần Quang N, sinh năm 1984. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Trần Quang N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hương An, huyện Quế Sơn vào

năm 2013. Sau khi kết hôn chị và anh N chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống không hợp nhau, anh N thường uống rượu, chơi cờ bạc, không lo cho gia đình. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Trần Thuỳ L, sinh ngày 10/02/2013. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Chị không có yêu cầu, trình bày gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N nhưng anh vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con của chị T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, bị đơn thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: anh N cư trú tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Chị T yêu cầu ly hôn và nuôi con nên quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp về “ly hôn, nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh N tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 12/3/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị T trình bày là vợ chồng sống không hợp nhau, anh N thường uống rượu, chơi cờ bạc, không lo cho gia đình, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N nhưng anh vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Vào năm 2021, chị T đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh N và Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn đã hòa giải đoàn tụ. Nay chị T tiếp tục yêu cầu giải quyết ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3]. Về con chung: chị T và anh N có 01 con chung là Trần Thuỳ L, sinh năm 10/02/2013. Chị T yêu cầu được nuôi con. Tại bản tự khai ngày 18/10/2023 thì cháu L cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N nhưng anh vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu nuôi con của chị T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu L, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Vũ T về việc tranh chấp “*ly hôn, nuôi con*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Vũ T và anh Trần Quang N.

2. Về con chung: giao cháu Trần Thuỳ L, sinh ngày 10/02/2013 cho chị Trần Vũ T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Trần Vũ T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012415 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/02/2024), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND thị trấn Hương An (GCNKH số 09/2013 ngày 12/3/2013);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND thị trấn Hương An (GCNKH số 09/2013 ngày 12/3/2013);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

